TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------

Bản án số: **91**/2022/KDTM - PT.
Ngày : 7/6/2022
V/v: *Tranh chấp Hợp đồng thuê tài sản*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: **Ông Hoàng Minh Thành**

Các Thẩm phán : **Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh**

Ông Nguyễn Xuân Tuấn

Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hà Nội ghi biên bản phiên toà : Bà Dương Thị Huệ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: Ông Trần Chí Thành – Kiểm sát viên

Ngày 31/5/2022 và ngày 07/6/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 08/2022/TLPT - KDTM ngày 17 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp: Hợp đồng thuê tài sản

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2021/ KDTM – ST ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận CG bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 50/2022/QĐ-PT ngày 08/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2022/QĐ-PT ngày 25/3/2022 giữa các đương sự :

- **Nguyên đơn**: Công ty TNHH đầu tư thương mại dịch vụ NTP
Trụ sở: Số 306/33/4 NTMK, phường 5, quận 3, TP Hồ Chí Minh
Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Ngọc G
Đại diện theo ủy quyền: Ông Khuất Hữu Vũ T, Ông Phạm Duy Đ, Ông Ngô Anh T, Ông Phạm Thành Đ
Địa chỉ liên hệ: Số 2, Tòa nhà G, ngõ 21 LVL, Q. TX , Hà Nội

- **Bị đơn:** Công ty TNHH WP
Trụ sở: Tầng 4, số nhà A1/D21 Khu đô thị CG , phường DV, quận CG , Hà Nội
Đại diện theo pháp luật: Ông Jeong Won Ho – Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Minh H, bà Vũ Thị Thùy L
Địa chỉ liên hệ: Tầng 4, số nhà A1/D21 Khu đô thị mới CG , phường DV, quận CG , Hà Nội
(Tại phiên tòa có mặt ông Khuất Hữu Vũ T, ông Phạm Thành Đ và bà Vũ Thị Minh H)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là Công ty TNHH đầu tư thương mại dịch vụ NTP do người đại diện theo ủy quyền là các ông: Khuất Hữu Vũ T, Phạm Duy Đ, Ngô Anh T, Phạm Thành Đ thống nhất trình bày: Ngày 10/05/2018, Công ty TNHH đầu tư thương mại dịch vụ NTP (Sau đây gọi tắt là Công ty NTP và Công ty Công ty TNHH WP (Sau đây gọi tắt là Công ty WP) ký kết với nhau hợp đồng thuê thiết bị số 015/HĐKT/2018 (gọi tắt là hợp đồng số 15) với nội dung Công ty NTP đồng ý cho Công ty WP thuê thiết bị để phục vụ nâng hạ máy thi công tại công trình của Công ty WP ; Thời gian thuê thiết bị dự kiến là 03 tháng, tính từ ngày Công ty WP nhận thiết bị tại Công trình thi công của Công ty WP .

Quá trình thực hiện Hợp đồng được thể hiện như sau:

- Ngày 14/05/2018, Công ty NTP đã bàn giao xe nâng 05 tấn vào công trường của Công ty WP ;

- Ngày 23/05/2018, Công ty NTP đã bàn giao xe nâng 07 tấn vào công trường của Công ty WP ;

- Ngày 28/06/2018, Công ty NTP đã bàn giao xe cẩu 25 tấn vào công trường của Công ty WP ;

Trong quá trình làm việc, có các bảng chấm công đảm bảo như nội dung công việc mà hai bên đã thỏa thuận. Như vậy, Công ty NTP đã thực hiện đúng theo thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký kết giữa hai bên.

Ngày 27/11/2018, Công ty WP mới tiến hành bàn giao lại 03 loại thiết bị đã thuê của Công ty NTP . Tuy nhiên, bị đơn chưa thanh toán bất kỳ một khoản tiền công theo Hợp đồng thuê thiết bị như thỏa thuận tại Điều 2 của Hợp đồng. Công ty NTP đã xuất 09 hóa đơn và đề nghị bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ, nhưng cho đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán bất kỳ khoản nào.

Việc chậm trễ thanh toán của Công ty WP gây cho Công ty NTP gặp rất nhiều khó khăn trong hoạt động kinh doanh cũng như chi trả tiền lương cho nhân viên. Bởi vậy, căn cứ từ những nội dung nêu trên, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Công ty NTP khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết và buộc Bị Đơn phải: thanh toán trả Công ty NTP số tiền 1.958.534.309 đồng bao gồm các khoản cụ thể như sau: Tiền nợ gốc là 1.594.186.298 đồng; Tiền thuế GTGT là 159.418.629 đồng; Tiền lãi do chậm trả tiền tạm tính đến ngày 04/02/2020 là 204.929.373 đồng.

Ngoài ra bị đơn còn phải thanh toán mọi phí tổn, chi phí, phí luật sư, án phí, khoản lãi phát sinh thực tế khác liên quan đến và phát sinh từ gói thầu nêu trên.

***Bị đơn là Công ty TNHH WP do bà Vũ Thị Minh H và bà Vũ Thị Thùy L đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày*:** Ngày 10/05/2018, giữa Công ty NTP và Công ty WP đã ký kết hợp đồng số 015/HĐKT/2018, với nội dung: Công ty NTP đồng ý cho Công ty WP thuê thiết bị để phục vụ mục đích nâng hạ máy thi công tại công trình của Công ty WP ; Thời gian thuê thiết bị dự kiến là 03 tháng, được tính từ ngày Công ty WP nhận thiết bị tại Công trình thi công của Công ty WP và thực tế thời gian thực hiện Hợp đồng giữa các bên là 03 tháng.

Ngày 14/05/2018, Công ty NTP đã bàn giao xe nâng 05 tấn vào công trường của bị đơn. Việc bàn giao có biên bản, có chữ ký của ông Phan Văn Tình (là nhân viên đại diện cho Công ty WP) và ông Phạm Thanh Đ (nhân viên đại diện cho Công ty NTP). Đến ngày 10/08/2018 đã giao trả lại máy móc thiết bị cho Công ty NTP , chứ không phải từ tháng 05/2018 đến ngày 27/11/2018 như nguyên đơn đã trình bày.

Đối với bảng theo dõi lịch trình xe cẩu, xe nâng tháng 8,9,10,11 mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án, bị đơn không biết. Bị đơn không biết ai đã ký xác nhận những bảng theo dõi đó và người đó có quan hệ gì với Công ty WP .

Các hoá đơn số 229; 237; 250; 273 có đối tượng thanh toán là thanh sắt u nằm thạch cao là không liên quan đến Hợp đồng đã ký kết và không có giao dịch thực tế.

Việc Công ty NTP đã bàn giao xe nâng 07 tấn và xe cẩu 25 tấn vào công trường của Công ty WP , Công ty không nắm được, vì Công ty không có biên bản bàn giao hay tài liệu lưu trữ nào khác thể hiện việc Công ty NTP đã bàn giao 02 loại xe này như Công ty NTP đã trình bày.

Nay Công ty NTP khởi kiện Công ty WP chỉ chấp nhận thanh toán cho Công ty NTP số tiền theo 03 hóa đơn gồm: Hóa đơn giá trị gia tăng số 220 ngày 29/05/2018; Hóa đơn giá trị gia tăng số 398 ngày 12/07/2018; Hóa đơn giá trị gia tăng số 423 ngày 23/07/2018, có giá trị 696.662.682 đồng

Công ty WP đã thanh toán cho Công ty NTP số tiền là 300.278.782 đồng. Việc thanh toán này được thực hiện qua chuyển khoản ngân hàng. Bị đơn đã gửi Sao kê tài khoản ngân hàng cho Tòa án. Đến nay chúng tôi chỉ còn nợ Công ty NTP số tiền là 396.383.900 đồng, chúng tôi sẽ có trách nhiệm thanh toán số tiền 396.383.900 đồng cho nguyên đơn. Ngoài số tiền này ra, bị đơn không chấp nhận thanh toán cho nguyên đơn số tiền nào khác.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2021/KDTM-ST ngày 28/06/2021 của Tòa án nhân dân quận CG đã quyết định:

Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH đầu tư thương mại dịch vụ NTP khởi kiện Công ty TNHH WP về việc thanh toán tiền thuê thiết bị máy móc phục vụ công trình.

Buộc Công ty TNHH WP thanh toán trả Công ty TNHH đầu tư thương mại dịch vụ NTP số 1.040.057.707 đồng.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, bị đơn là Công ty WP kháng cáo bản án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại các tài liệu, chứng cứ và xác định lại thời gian thuê là 03 tháng theo đúng thời gian dự kiến trong hợp đồng đã ký kết. Công ty WP không chấp nhận yêu cầu của Công ty NTP vượt quá khoản tiền 696.662.682 đồng.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người kháng cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo. Về xe nâng 05 tấn bị đơn đã bàn giao trả nguyên đơn từ 10/8/2018 cho Nguyên đơn không phải là đến tháng 11/2018 mới trả như nguyên đơn trình bày là biên bản giao nhận và trả 2 xe và một xe cẩu mà nguyên đơn xuất trình. Lịch trình xe cẩu, xe nâng từ tháng 8,9,10,11 mà nguyên đơn trình bày bị đơn cũng không biết ai xác nhận, người có tến đó không phải là nhân viên Công ty và không có quan hệ gì với bị đơn. Bị đơn xác nhận chỉ nợ nguyên đơn 696.662.682 đồng và đã trả được cho nguyên đơn 300.278.782 đồng nên chỉ còn nợ 396.383.900 đồng. Ngoài ra, bị đơn không còn nợ nguyên đơn bất kỳ một khoản tiền nào khác.
- Nguyên đơn đã được Tòa án yêu cầu giao nộp các tài liệu chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ nhưng nguyên đơn không cung cấp được các tài liệu mới. Nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn đã bàn giao xe nâng 05 tấn, xe nâng 07 tấn và xe cẩu 25 tấn vào công trường của bị đơn. Việc bàn giao xe đã có biên bản bàn giao do người đại diện của bị đơn tại công trình ký nhận các bảng chấm công đảm bảo nội dung các bên đã thỏa thuận. Nguyên đơn đã xuất 09 hóa đơn cho bị đơn nên bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền này.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án và kháng cáo của các đương sự trình bày quan điểm: Kháng cáo của bị đơn là hợp lệ. Căn cứ hợp đồng thuê, biên bản bàn giao, tài liệu chứng cứ thể hiện có xe nâng 07 tấn tại công trường. Tài liệu cấp phúc thẩm xác minh thể hiện người ký biên bản bàn giao máy, trả máy là người được bị đơn chuyển khoản tiền lương hàng tháng vào tài khoản mở tại Ngân hàng. Do vậy, bị đơn cho rằng không biết và không có người nào tên RJH là không có căn cứ nên không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Xét thấy, đơn kháng cáo của bị đơn là Công ty WP trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí nên Tòa nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là đúng thẩm quyền.

Về thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng thuê tài sản. Bị đơn là Công ty WP có trụ sở tại: Tầng 4, A1/D21 Khu đô thị CG , phường Dịch Vọng Hậu, quận CG , Hà Nội. Căn cứ khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân quận CG thụ lý và giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Về xác định yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút yêu cầu đòi tiền liên quan đến hàng hóa là sắt u nằm thạch cao theo 04 hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty NTP với tổng số tiền của 04 hóa đơn là 78.111.000 đồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đình chỉ giải quyết yêu cầu này của nguyên đơn là có thiếu sót.

[2]. Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị đơn là Công ty WP về việc không đồng ý bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án phúc thẩm xem xét lại các tài liệu, chứng cứ và xác định lại thời gian thuê máy của Công ty WP thuê là 03 tháng, Hội đồng xét xử thấy:

Ngày 10/5/2018, Công ty NTP (nguyên đơn) và Công ty WP (bị đơn) ký kết hợp đồng thuê thiết bị với nội dung: nguyên đơn cho bị đơn thuê thiết bị là 01 xe nâng tải trọng 05 tấn, 01 xe nâng tải trọng 07 tấn và 01 xe cẩu tải trọng 25 tấn tại địa điểm thi công của bị đơn là Công trình nhà máy chế biến thực phẩm Cầu Tre – Lô EA 2,3,4,5,6,7 khu công nghiệp Hiệp Phước 2 xã Long Hậu, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian thuê thiết bị dự kiến là 03 tháng. Ngoài ra, theo nội dung hợp đồng các bên còn thỏa thuận các điều khoản cụ thể về cước phí vận chuyển, giá thuê, quyền và nghĩa vụ của các bên.

Hồ sơ vụ án thể hiện, hợp đồng thuê thiết bị ngày 10/5/2018 do hai bên đương sự xuất trình đều là bản phô tô. Tòa án cấp phúc thẩm đã yêu cầu các bên nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng nhưng không bên nào cung cấp được. Tuy nhiên, thấy rằng mặc dù là tài liệu phô tô nhưng hai bên đương sự đều thừa nhận việc các bên có ký hợp đồng với các nội dung, điều khoản đã thể hiện trong bản photocopy nên Hội đồng xét xử chấp nhận tính hợp pháp của hợp đồng. Xem xét hợp đồng này thấy: các bên ký hợp đồng là tự nguyện, nội dung

hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, hình thức hợp đồng phù hợp quy định nên phát sinh hiệu lực.

Các bên chỉ có tranh chấp về quá trình thực hiện hợp đồng, cụ thể là tranh chấp về việc bàn giao máy móc và thời gian thuê máy thực tế dẫn đến nghĩa vụ thanh toán của bị đơn đối với nguyên đơn. Các bên không tranh chấp về giá thuê và chi phí vận chuyển máy đến công trường bị đơn cũng như các điều khoản khác của hợp đồng.

Tại tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn khởi kiện cho rằng bị đơn đã thuê máy của nguyên đơn từ tháng 5/2018 đến tháng 11/2018 và đã xuất 09 hóa đơn giá trị gia tăng cho bị đơn nên bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền thuê máy trong thời gian này. Bị đơn có ý kiến cho rằng bị đơn chỉ thuê máy của nguyên đơn đúng 03 tháng như hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận, cụ thể đến tháng 8/2018 bị đơn đã trả máy cho nguyên đơn và có biên bản bàn giao máy cho nguyên đơn. Việc nguyên đơn trình bày bị đơn thuê máy đến tháng 11/2018 thì bị đơn không biết nên không có nghĩa vụ thanh toán cho thời gian thuê này.

Xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy:

Ngay sau khi ký kết hợp đồng (ngày 10/5/2018) các bên đã bắt đầu thực hiện các nội dung hợp đồng, cụ thể là việc bàn giao máy. Về phía nguyên đơn xuất trình cho Tòa án 03 biên bản bàn giao máy móc và 01 biên bản giao trả máy móc, thiết bị cụ thể như sau:

Biên bản bàn giao ngày 14/5/2018 với nội dung nguyên đơn cho bị đơn thuê 01 xe nâng 05 tấn.

Biên bản bàn giao ngày 23/5/2018 với nội dung nguyên đơn cho bị đơn thuê 01 xe nâng 07 tấn.

Biên bản bàn giao ngày 28/6/2018 với nội dung nguyên đơn cho bị đơn thuê 01 xe cẩu 25 tấn

Biên bản giao trả máy móc thiết bị ngày 27/11/2018 với nội dung: Hai bên tiến hành giao trả lại máy móc, trang thiết bị là: 01 xe nâng 05 tấn, 01 xe nâng 07 tấn và 01 xe cẩu 25 tấn.

Theo 04 biên bản này đều thể hiện đại diện bên giao và đại diện bên nhận cụ thể: đại diện bên giao là Công ty NTP (do ông Nguyễn Lê Nhựt T là Giám đốc Công ty ký đóng dấu) và đại diện bên nhận là ông RJH . Phía bị đơn không công nhận ông RJH là người của mình nên không công nhận bốn biên bản do nguyên đơn xuất trình. Tòa án đã yêu cầu bị đơn cung cấp hồ sơ hoàn công với chủ đầu tư, nhật ký công trường để xác định nhưng phía bị đơn nêu nhiều lý do để không cung cấp. Trong suốt quá trình giải quyết tại Tòa án sơ thẩm và phúc thẩm, phía bị đơn cho rằng không biết ông RJH là ai và Công ty không có người nào tên RJH . Để làm rõ sự thật khách quan của vụ án, cấp phúc thẩm đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ của Bảo hiểm xã hội và Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam về việc thanh toán tiền lương và đóng bảo hiểm xã hội của Công ty WP . Theo đó Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội đã có văn bản trả lời Tòa án với nội dung: Tính đến hết tháng 3/2022 Công ty WP đang đóng

BHXH, BHYT… cho 03 lao động người nước ngoài. Ngân hàng TNHH MTV Shinnhan Việt Nam cũng đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu là chứng từ liên quan đến việc thanh toán, chi trả lương, đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động của Công ty TNHH WP từ tháng 5/2018 đến tháng 12/2018. Theo bảng sao kê tài khoản của Công ty WP từ ngày 01/5/2018 đến ngày 31/12/2018 do Ngân hàng cung cấp thể hiện Công ty WP có nhiều giao dịch chuyển tiền (mỗi tháng 01 lần) với người có tên là ông RJH vào các ngày 01/5/2018, 05/6/2018, 12/7/2018, 30/7/2018, 18/9/2018, 04/10/2018, 02/11/2018. Như vậy, có căn cứ khẳng định ông RJH là nhân viên của Công ty WP tại thời điểm từ 5/2018 đến tháng 12/2018 nên việc Công ty WP cho rằng Công ty không biết ông RJH và không có quan hệ gì với ông RJH là không đúng.

Như vậy, nghĩa vụ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn đã thực hiện được và đầy đủ.

Do vậy, xác định bị đơn có thuê máy của nguyên đơn từ tháng 5/2018 đến tháng 11/2018 như nguyên đơn trình bày là có căn cứ. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu đòi tiền thuê máy của nguyên đơn đối với bị đơn trong khoảng thời gian này là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với 09 hóa đơn giá trị gia tăng mà nguyên đơn đã xuất ra thấy: Trong 09 hóa đơn này thì có 04 hóa đơn mà nguyên đơn xuất bán sắt u nằm thạch cao đối với bị đơn với tổng số tiền là 78.111.000 đồng. Đối với yêu cầu thanh toán 04 hóa đơn này thì tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn đã rút yêu cầu này nên Hội đồng phúc thẩm không xem xét. Đối với 05 hóa đơn còn lại thể hiện phí thuê xe cẩu, xe nâng hạ các tháng 5,6,7,8,9/2018 (không có hóa đơn cho thuê máy tháng 10, 11/2018) do nguyên đơn xuất ra với tổng số tiền là 1.340.057.700 đồng. Mặc dù nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán đòi tiền thuê máy đến tháng 11/2018 nhưng chỉ xuất trình hóa đơn thuê máy đến hết tháng 9/2018 mà không có chứng cứ về số tiền thuê máy cho 2 tháng còn lại là 10,11/2018 nên chỉ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn theo 05 hóa đơn đã xuất trình cho Tòa án với tổng số tiền là 1.340.336.482 đồng như cấp sơ thẩm nhận định là đúng. Bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn 300.278.782 đồng tiền thuê máy. Số tiền này đã được nguyên đơn xác nhận nên bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn thiếu là 1.040.057.700 đồng.

Về yêu cầu tính lãi: Tại hợp đồng các bên không có thỏa thuận về lãi nên cấp sơ thẩm không xem xét là có căn cứ

Về yêu cầu thuê luật sư: Phía nguyên đơn không xuất trình các tài liệu, chứng cứ về việc nguyên đơn thuê luật sư và Bộ luật dân sự 2015 không có quy định nguyên đơn được thanh toán chi phí luật sư trong trường hợp này nên không có cơ sở xem xét yêu cầu này của nguyên đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát trong vụ án phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên thấy cấp sơ thẩm đã nhận định và tính toán số tiền thuê máy mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp và có căn cứ. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Tuy nhiên, bản án sơ thẩm tuyên về lãi sau khi có đơn thi hành án là theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước quy định là không đúng nên cấp phúc thẩm cần sửa án sơ thẩm về cách tuyên về vấn đề này.

Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên;

Căn cứ điều 147, khoản 1 điều 148, khoản 1 điều 308, điều 313, 349 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điều 472, điều 474, điều 476, điều 482 Bộ luật dân sự 2015

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH WP .

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2021/KDTM-ST ngày 28/6/2021 của Tòa án nhân dân quận CG và quyết định như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH đầu tư thương mại dịch vụ NTP

Buộc Công ty TNHH WP thanh toán trả Công ty TNHH đầu tư thương mại dịch vụ NTP số 1.040.057.707 đồng.

Khi án có hiệu lực pháp luật và khi người được thi hành án có đơn yêu cầu, người phải thi hành án phải chịu lãi suất đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền theo 04 hóa đơn xuất bán sắt u nằm thạch cao của nguyên đơn với số tiền 78.111.000 đồng.

3. Về án phí: Công ty TNHH đầu tư thương mại dịch vụ NTP phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 22.274.000 đồng đối trừ 31.442.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 3163 ngày 27/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận CG nên được trả lại 9.168.000 đồng.

Công ty TNHH WP phải chịu án phí kinh doanh thương sơ thẩm là 42.120.000đồng, được trừ vào số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 17803 ngày 23/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận CG nên còn phải nộp 40.120.000 đồng

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 07/6/2022

Nơi nhận:
- Viên kiểm sát ND TP Hà Nội;
- Tòa án ND Q. CG
- Chi cục THADS Q. CG ;
- Đương sự.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hoàng Minh Thành